

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/HS-PT

Ngày: 11-3-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Hoàng Phúc – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2020/TLPT-HS ngày 14 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo Khổng Văn Q do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 60/2019/HSST ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- *Bị cáo có kháng cáo:* **Khổng Văn Q (Q A)**, sinh năm 1980 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 6/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Khổng Văn T và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Trần Thị P, sinh năm 1982 (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2006; tiền án: có 01 tiền án. Tại Bản án số 27/2017/HSST ngày 24/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 01 năm tù về “Tội trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt ngày 29/8/2018; tiền sự: có 01 tiền sự. Tại Quyết định số 55/QĐ-XPVPHC ngày 05/5/2019 của Ủy ban nhân dân xã Thạnh Trị, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 4.690.000 đồng về hành vi “Điều khiển xe mô tô không có gương chiếu hậu, không có giấy phép lái xe, không mang theo giấy đăng ký xe, điều khiển xe mà trong cơ thể có chất ma túy”. Nhân thân: tại Quyết định số 05/QĐ-XPVC ngày 27/02/2017 của Ủy ban nhân dân xã Phú Ngãi huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”; tại Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của Ủy ban nhân dân xã Phú Ngãi, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre đã áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn thời hạn 03 tháng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/9/2019 cho đến nay. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 40 phút ngày 20/8/2019, Khổng Văn Q đi bộ từ xã Tân Xuân, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre đi qua cống đập Ba Lai đến huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre mục đích tìm tài sản để lấy trộm. Khi đi đến ấp B, xã T, huyện Bình Đại thì Q ghé vào chòi của ông Võ Văn K, sinh năm 1952 và ngồi uống rượu cùng ông K và ông Đặng Văn Qn, sinh năm 1955. Sau đó khoảng 40 phút thì Q mượn của ông Qn 01 xe đạp và nói dối là mượn xe để đi sửa xe tải rồi chạy về hướng xã Đ, huyện Bình Đại. Khoảng 01 giờ 15 phút ngày 21/8/2019, khi đi đến nhà anh Nguyễn Văn S, thuộc ấp B, xã Đ thì Q phát hiện cửa rào nhà anh S không khóa nên đã bỏ xe đạp ở ngoài và đi vào trong nhà. Q thấy ở nhà kho phía bên phải có dựng một xe mô tô biển số 71C1-xxx.xx, nhãn hiệu Honda loại xe Future Fi là phương tiện do chị Phan Thị H (là vợ của anh S) quản lý và sử dụng hằng ngày. Do trên xe có gắn sẵn chìa khóa nên Q dẫn xe ra đường rồi nổ máy, kè theo xe đạp và chạy đi. Chạy được một đoạn khoảng 100 mét thì Q dừng lại, bỏ xe đạp ở lề đường rồi điều khiển xe mô tô đã trộm được đến cống thuộc ấp L, xã L, huyện Bình Đại rồi nằm ngủ dưới gầm cống. Đến sáng hôm sau, Q tháo bỏ biển số xe và vứt ở bụi cây gần đó rồi điều khiển xe về nhà của Q. Q tháo kính chiếu hậu, mua của Nguyễn Minh T (sinh năm 1982, cư trú ở ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre) 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy biển số đăng ký 51M6-xxxx mang tên Huỳnh Siêu Mai L và đặt mua trên mạng 01 biển số giả 51M6-xxxx cho phù hợp với giấy đăng ký xe. Sau đó Q bán xe đã trộm được cho bà Nguyễn Thị Th (sinh năm 1969, cư trú ở ấp K, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre) với giá 12.000.000 (mười hai triệu) đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 79/KL-HĐĐG ngày 03/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre đã kết luận: 01 xe mô tô biển số 71C1-xxx.xx, nhãn hiệu Honda, loại xe Future Fi, số khung JC54Exxxxxxx, số máy xxxxEZxxxxxx mua vào tháng 10/2015 có giá trị tại thời điểm bị mất trộm là 20.400.000 (hai mươi triệu bốn trăm nghìn) đồng.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2019/HS-ST ngày 03/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Khổng Văn Q phạm “Tội trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Khổng Văn Q 02 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/9/2019. Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/12/2019 bị cáo Khổng Văn Q kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp nội dung bản án sơ thẩm. Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Khổng Văn Q phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng; về hình phạt xét mức hình phạt 02 năm tù là tương xứng vì bị cáo đã có tiền án về “Tội trộm cắp tài sản” và tiền sự về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Do vậy, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đề nghị căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Khổng Văn Q 02 năm tù về “Tội trộm cắp tài sản”. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Lời nói sau cùng, bị cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt tù để sớm về gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định. Vào khoảng 01 giờ 15 phút ngày 21/8/2019, Khổng Văn Q lén lút vào nhà chị Phan Thị H thuộc ấp B, xã Đ, huyện B chiếm đoạt 01 xe mô tô biển số 71C1-xxx.xx trị giá là 20.400.000 đồng. Với ý thức, hành vi và giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Khổng Văn Q phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt đã xem xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: bị cáo thành khẩn khai báo, gia đình bị cáo đã bồi thường thiệt hại, bị cáo có bác ruột là người có công với đất nước, bị hại yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nên đã xử phạt bị cáo 02 năm tù. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đưa ra tình tiết bị cáo là lao động chính trong gia đình và có con nhỏ để yêu cầu giảm nhẹ hình phạt tù, các tình tiết bị cáo đưa ra thuộc khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy bị cáo đã có tiền án về “Tội trộm cắp tài sản” không chịu cải tạo bản thân lại tiếp tục phạm tội cùng hành vi, thể hiện

việc chấp hành pháp luật không tốt. Với mức hình phạt 02 năm tù là tương xứng. Vì vậy, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo như đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo có xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nhưng khi quyết định hình phạt không ghi “khoản 2” là thiếu sót nên cấp phúc thẩm bổ sung cho đầy đủ;

[5] Về án phí, bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo **Khổng Văn Q** phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Khổng Văn Q** (Q A) 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/9/2019.

[2] Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 12; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo **Khổng Văn Q** phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Bình Đại (3b);
- VKSND huyện Bình Đại (1b);
- Công an huyện Bình Đại (1b);
- Chi cục THADS huyện Bình Đại (1b);
- UBND xã P, huyện B (1b);
- Nhà tạm giữ CA h. Bình Đại + bị cáo (2b);
- (Yêu cầu NTG tổng đạt cho bị cáo 1b)
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Văn Tỉnh